

VĂN PHÒNG ĐKĐD TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐD
THỊ XÃ CHƠN THÀNH

Số: 7134/PCTTĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 17 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Ông: **Thái Văn Phương** Năm sinh: 1969 CCCD số: 070069000125

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Bà: **Nguyễn Thị Lắm** Năm sinh: 1973 CCCD số: 093173000247

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

1.2. Số điện thoại: Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Phân chia QSĐĐ

1.5. Biên nhận số: **000.25.70.H10-240412-0132**

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 21 , Tờ bản đồ số: 25

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Theo bản đồ giá do BPĐĐ cung cấp

* Khu vực: 2(hai)

- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường

²⁴⁶ + Các tuyến đường đất còn lại. Toàn tuyến

+ Phạm vi: 1(một): 500m²;

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư:

+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 3(ba) 18355,7 m²

2.1.4 Diện tích thửa đất: 18855,7 m²

-Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 18855,7 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Phân chia QSĐĐ

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 500m²; Đất trồng cây lâu năm 18355,7m²,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 06/12/2050,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:
- Hình thức sau khi chuyển:

2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;
 Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;
 Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Giá đất cụ thể:
- Giá trung đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:
- 2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;
- 2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:
- 2.2.6. Nguồn gốc:
- 2.2.7. Năm hoàn công:năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển, nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):

- 3.1.1. Loại biến động:
 - 3.1.2. Loại tài sản biến động:
- 3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

- 3.2.1. Đối tượng ghi nợ:
 - 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:
- 3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính

- 3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:
- 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:
 Tên của khoản được trừ:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Hợp đồng/Văn bản về việc chuyển nhượng/tặng cho/thừa kế/phân chia QSĐĐ;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính;

(B)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Linh

Chơn Thành, ngày 17 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Ông: **Thái Văn Phương** Năm sinh: 1969 CCCD số: 070069000125

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Bà: **Nguyễn Thị Lắm** Năm sinh: 1973 CCCD số: 093173000247

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Phân chia QSĐĐ

1.5. Biên nhận số: **000.25.70.H10-240412-0120**

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 7 , Tờ bản đồ số: 30

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 1, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Theo bản đồ giá do BPĐĐ cung cấp

* Khu vực: 2(hai)

- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường

0

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư:

+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 4(bốn) 10899,9 m²

2.1.4 Diện tích thửa đất: 10899,9 m²

- Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 10899,9 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Phân chia QSĐĐ

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Sử dụng đến ngày 09/9/2050,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

Chơn Thành, ngày 17 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Ông: Thái Văn Phương Năm sinh: 1969 CCCD số: 070069000125

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Bà: Nguyễn Thị Lắm Năm sinh: 1973 CCCD số: 093173000247

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Phân chia QSDĐ

1.5. Biên nhận số: **000.25.70.H10-240412-0124**

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 489 , Tờ bản đồ số: 24

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: Theo bản đồ giá do BPĐĐ cung cấp

* **Khu vực: 2(hai)**

- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường

²⁴⁵ + Đường nhựa, đường bê tông nông thôn. Toàn tuyến

+ Phạm vi: 1(một): 600m²;

- **Đất nông nghiệp:**

+ Trong phạm vi khu dân cư:

+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 2(hai) 10231,8 m²

2.1.4 Diện tích thửa đất: 10831,8 m²

- Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 10831,8 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Phân chia QSDĐ

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 600m²; Đất trồng cây lâu năm 10231,8m²,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 06/12/2050,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:
- Hình thức sau khi chuyển:

2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;
 Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;
 Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Giá đất cụ thể:
- Giá trung đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:
- 2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;
- 2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:
- 2.2.6. Nguồn gốc:
- 2.2.7. Năm hoàn công:năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển, nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):

- 3.1.1. Loại biến động:
- 3.1.2. Loại tài sản biến động:
- 3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)
 - 3.2.1. Đối tượng ghi nợ:
 - 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:
- 3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính
 - 3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:
 - 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:
- 3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:
 Tên của khoản được trừ:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Hợp đồng/Văn bản về việc chuyển nhượng/tặng cho/thừa kế/phân chia QSĐĐ;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính;

(B)

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Linh

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ
THỊ XÃ CHƠN THÀNH

Số: 7216 /PCTTĐC.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 19 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục Thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Ông: Nguyễn Văn Mộng Sinh năm: 1985 CCCD số: 070085008619
Địa chỉ thường trú: kp.Trung Lợi, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Bà: Võ Hồng Khanh Sinh năm: 1986 CCCD số: 070186005901
Địa chỉ thường trú: kp. Mỹ Hưng, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển mục đích sử dụng đất

1.5. Biên nhận số: 000.00.70.H10-240410-0011.

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 286 , Tờ bản đồ số: 28

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố Hiếu Cảm, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất (Căn cứ Bản đồ giá do Bộ phận đo đạc bản đồ cung cấp)

* Khu vực: 1 (một)

- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường

⁷⁴ + Đường Hoàng Diệu (đường số 4, áp Hiếu Cảm). Đoạn từ Hết đất của ông La Xuân (thửa đất số 92, tờ bản đồ số 27) đến Hết đất của bà Tống Thị Vân (thửa đất số 61, tờ bản đồ số 28)

+ Phạm vi: 2(hai): 100m²

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư: Vị trí: 1(một)

+ Ngoài phạm vi khu dân cư:

2.1.4 Diện tích thửa đất: 833,7 m²

- Hình thức sử dụng: chung,

- Diện tích sử dụng: 833,7 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 100m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 100 m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 100m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển mục đích sử dụng đất

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị: 100m²; Đất trồng cây lâu năm: 733,7m²,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: Đất trồng cây lâu năm

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: sử dụng đến ngày 15/10/2043,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:
- Hình thức sau khi chuyển:

2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước; Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước; Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước;

- Giá đất cụ thể:
- Giá trung đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:
- 2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;
- 2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:
- 2.2.6. Nguồn gốc:
- 2.2.7. Năm hoàn công:năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIẾN ĐỘNG, GHI NGỌC, UU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển,

- 3.1.1. Loại biến động:
- 3.1.2. Loại tài sản biến động:

3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

- 3.2.1. Đổi tượng ghi nợ:
- 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:

3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính

- 3.3.1. Đổi tượng miễn, giảm:
- 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:

Tên của khoản được trừ:

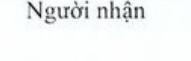
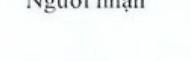
IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Cam kết không chọn thửa đất trong hạn mức đất ở; Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính;
- PC, Đơn, Quyết định số 659/QĐ-UBND ngày 16/4/2024

TN



Phạm Văn Nam

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ (Trước hạn/dùng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: 2. Nhận:	<u>08 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 05 năm 2019</u>			
	Người giao 	Người nhận  <i>Nguyễn Thị Mí Nguyễn Thị Thúy Nga</i>		
1. Giao: 2. Nhận:	<u>... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm ...</u>			
	Người giao 	Người nhận  <i>Nguyễn Thị Thúy Nga</i>		
1. Giao: 2. Nhận:	<u>... giờ phút, ngày tháng năm</u>			
1. Giao: 2. Nhận:	Người giao	Người nhận 		
	<u>... giờ phút, ngày tháng năm</u>			
	Người giao	Người nhận		

THỊ XÃ CHƠN THÀNH
BỘ PHẬN TIẾP NHẬN & TRẢ KQ

Số: 000.00.70.H10-240410-0011 / KSHS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 10 tháng 04 năm 2024

PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ

Kèm theo hồ sơ của:

DSD VÔ HỒNG KHANH,; Số điện thoại: 0777155889
NGUYỄN VĂN MỘNG

Địa chỉ:

Chưa có thông tin, Phường Thành Tâm, Thị xã Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước
000.00.70.H10-240410-0011

Mã số:

3. Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền
đối với hộ gia đình, cá nhân

Nội dung giải quyết:

CMD 100M2

Ghi chú:

10/04/2024 10:25

Ngày nhận:

14 giờ 00, ngày 06 tháng 05 năm 2024

Ngày, giờ hẹn trả kết quả:
Phi, lệ phí sau khi hồ sơ hoàn
thành:Người thông báo phí, lệ phí (Ký
ghi rõ họ tên):

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ (Trước hạn/dùng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: 2. Nhận:	<i>14 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 4 năm 2024</i>			
	Người giao <i>Phan</i>	Người nhận <i>Nguyễn Thị Tuấn Phương</i>		
1. Giao: 2. Nhận:	<i>..... giờ phút, ngày ... tháng ... năm ...</i>			
	Người giao <i>Phan</i>	Người nhận <i>Nguyễn Thị Tuấn Phương</i>		
1. Giao: 2. Nhận:	<i>8h giờ 50 phút, ngày 17 tháng 4 năm 2024</i>			
	Người giao <i>Phan</i>	Người nhận <i>Nguyễn Thị Thanh An</i>		
1. Giao: 2. Nhận:	<i>... giờ ... phút, ngày ... tháng ... năm</i>			
	Người giao <i>Phan</i>	Người nhận <i>Nguyễn Thị Thanh An</i>		
1. Giao: 2. Nhận:	<i>..... giờ phút, ngày ... tháng ... năm ...</i>			
	Người giao <i>Phan</i>	Người nhận <i>Nguyễn Thị Thanh An</i>		
1. Giao: 2. Nhận:	<i>..... giờ phút, ngày ... tháng ... năm ...</i>			
	Người giao <i>Phan</i>	Người nhận <i>Nguyễn Thị Thanh An</i>		

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
Số: 2000/PCTTĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 31 tháng 1 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỀ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Ông: Nguyễn Văn Dần Năm sinh: 1982 CCCD số: 070082005653

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Bà: Hà Thị Liễu Năm sinh: 1983 CCCD số: 285616437

Địa chỉ thường trú: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển mục đích sử dụng đất

1.5. Biên nhận số: 000.00.70.H10-240123-0017.

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẦN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 141 , Tờ bản đồ số: 74

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 3, phường Hưng Long, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất.

* Khu vực: 1(một)

- Đất ở tại đô thị: Mặt tiền đường:

+ Đường Thành Thái. Đoạn từ Ngã ba ranh giới khu phố 1-3 đến Ngã ba đường nhựa (Hết thửa đất số 91 64 tờ bản đồ số 65)

+Phạm vi 1(một): 50m²;

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư: Vị trí: 1(một):

+ Ngoài phạm vi khu dân cư:

2.1.4 Diện tích thửa đất: 245,2 m²

-Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 245,2 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: 50m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: 50 m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: 50m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển mục đích sử dụng đất

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 100m²; Đất trồng cây lâu năm 145,2m²,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: CLN

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài, Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 15/10/2043,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:
- Hình thức sau khi chuyển:

2.1.10. Giá đất:

Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;
Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước;

Căn cứ quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh Bình Phước;
Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước;

- Giá đất cụ thể:
- Giá trung đấu giá:
- Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất:

2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:

- 2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:
- 2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;
- 2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;
- 2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;
- 2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:
- 2.2.6. Nguồn gốc:
- 2.2.7. Năm hoàn công:năm
- 2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIÊN ĐỘNG, GHI NỢ, ƯU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển, nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):

3.1.1. Loại biến động:

3.1.2. Loại tài sản biến động:

3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)

3.2.1. Đối tượng ghi nợ:

3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:

3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính

3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:

3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:

3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:

Tên của khoản được trừ:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Cam kết không chọn thừa đất trong hạn mức đất ở.

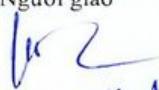
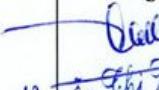
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính²;

- Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 29/01/2024 của UBND thị xã Chơn Thành.

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Nam

TÊN CƠ QUAN	THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ		KẾT QUẢ (Trước hạn/dúng hạn/quá hạn)	GHI CHÚ
1. Giao: 2. Nhận:	<u>15</u> giờ <u>00</u> phút, ngày <u>31</u> tháng <u>01</u> năm <u>20</u> ...			
	Người giao  <u>Nguyễn Thị Thúy Nga</u>	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận:	<u>08</u> giờ <u>00</u> phút, ngày <u>01</u> tháng <u>05</u> năm <u>20</u> ...			
	Người giao  <u>Nguyễn Thị Mỹ Nguyễn Thị Thúy Nga</u>	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày <u>04</u> tháng <u>5</u> năm <u>20</u>			
	Người giao  <u>Nguyễn Thị Thúy Nga</u>	Người nhận		
1. Giao: 2. Nhận: giờ phút, ngày tháng năm			
	Người giao	Người nhận		

VĂN PHÒNG ĐKĐĐ TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐKĐĐ
THỊ XÃ CHƠN THÀNH

Số: 7356/PCTTĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chơn Thành, ngày 25 tháng 4 năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI**

Kính gửi: Chi cục thuế thị xã Chơn Thành

I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT

1.1. Tên người sử dụng đất:

Ông: Vũ Văn Thiêng Năm sinh: 1994 CCCD số: 038094015065

Địa chỉ thường trú: kp. Yên Châu, phường Hải Châu, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Bà: Phạm Thị Diễm Năm sinh: 1993 CCCD số: 052193004318

Địa chỉ thường trú: thôn 5, xã Kiến Thành, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông

1.2. Số điện thoại:

Email (nếu có):

1.3. Mã số thuế (nếu có):

1.4. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Chuyển nhượng QSDĐ

1.5. Biên nhận số: 000.25.70.H10-240419-0165

II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1 Thông tin về đất

2.1.1. Thửa đất số: 1665 Tờ bản đồ số: 1

2.1.2. Địa chỉ tại: khu phố 6, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

2.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất:

* Khu vực: 2(hai)

- Đất ở tại đô thị : Mặt tiền đường

+ Đường nhựa, đường bê tông nông thôn. Toàn tuyến

+ Phạm vi: 1(một): 50m²;

- Đất nông nghiệp:

+ Trong phạm vi khu dân cư:

+ Ngoài phạm vi khu dân cư: Vị trí: 2(hai) 210,5 m²

2.1.4 Diện tích thửa đất: 260,5 m²

-Hình thức sử dụng: riêng,

- Diện tích sử dụng: 260,5 m²,

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất: m²

- Diện tích đất trong hạn mức: m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức: m²

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất: m²

2.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: Chuyển nhượng QSDĐ

2.1.6. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 50m²; Đất trồng cây lâu năm 210,5m²,

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:

2.1.7. Thời hạn sử dụng: Đất ở tại đô thị: Lâu dài; Đất trồng cây lâu năm: Sử dụng đến ngày 20/4/2050,

2.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:

2.1.9. Chuyển hình thức sử dụng đất:

- Hình thức đang sử dụng:

<p>- Hình thức sau khi chuyển:</p> <p>2.1.10. Giá đất:</p> <p>Căn cứ vào QĐ số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/08/2020 của UBND tỉnh Bình Phước; Công văn số 3232/STNMT-CCQLĐĐ ngày 17/12/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước; Công văn số 4057/UBND-KT ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh Bình Phước;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá đất cụ thể: - Giá trúng đấu giá: - Giá đất trước khi chuyển mục đích sử dụng đất: <p>2.2. Thông tin về nhà ở, công trình xây dựng khác:</p> <p>2.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:</p> <p>2.2.2. Diện tích xây dựng:m²;</p> <p>2.2.3. Diện tích sàn xây dựng:m²;</p> <p>2.2.4. Diện tích sở hữu chung:m²; Diện tích sở hữu riêng:m²;</p> <p>2.2.5. Kết cấu:; Số tầng nổi:; Số tầng hầm:</p> <p>2.2.6. Nguồn gốc:</p> <p>2.2.7. Năm hoàn công:năm</p> <p>2.2.8. Thời hạn sở hữu đến:năm</p>

III. THÔNG TIN VỀ ĐĂNG KÝ BIÊN ĐỘNG, GHI NỢ, ỦU ĐÃI VỀ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VÀ CÁC KHOẢN ĐƯỢC TRỪ VÀO TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT

- 3.1. Đối với trường hợp đăng ký bổ sung tài sản gắn liền với đất và chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (đăng ký biến động):
- 3.1.1. Loại biến động:
 - 3.1.2. Loại tài sản biến động:
- 3.2. Ghi nợ nghĩa vụ tài chính (tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ)
- 3.2.1. Đối tượng ghi nợ:
 - 3.2.2. Loại nghĩa vụ được ghi nợ:
- 3.3. Miễn, giảm nghĩa vụ tài chính
- 3.3.1. Đối tượng miễn, giảm:
 - 3.3.2. Loại nghĩa vụ được miễn, giảm:
- 3.4. Các khoản được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp:
- Tên của khoản được trừ:

IV. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO

- Hợp đồng/Văn bản về việc chuyển nhượng/tặng cho/thừa kế/phân chia QSDĐ;
- Tờ khai thực hiện nghĩa vụ tài chính²;

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Sơn